

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 9 - 2022  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Minh Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cao Kỳ và bà Phạm Thị Hương.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thảo Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khuất T B - Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện TC Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn M C - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Khuất T B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn M C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 26/6/1996 là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh C sống hòa thuận, hạnh phúc được nhiều năm thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, kinh tế gia đình không có sự bàn bạc, thống nhất, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống vợ chồng không có sự chia sẻ và ngày càng căng thẳng. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn M C.

- *Về con chung:* Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn H M, sinh ngày 28/6/1997 và Nguyễn H T, sinh ngày 07/5/2004. Các con M và T đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, vay nợ chung:* Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn M C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Khuất T B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 26/6/1996. Trước khi kết hôn anh và chị B có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được nhiều năm hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như chị B trình bày là đúng, ngoài ra còn do chị B có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và có nhiều lần do bức tức anh đã đánh chị B. Hiện nay anh và chị B vẫn sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa; chị Khuất T B có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị B.

- *Về con chung*: Anh C thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung như chị B trình bày, anh không có ý kiến gì về con chung.

- *Về tài sản, vay nợ chung*: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của chị Khuất Thị Bình, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Khuất T B và anh Nguyễn M C kết hôn ngày 26/6/1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TC, tỉnh Quảng Ninh là tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị B và anh C bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, kinh tế gia đình không có sự bàn bạc, thống nhất. Chị B, anh C thừa nhận do chị B có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, nên nhiều lần vì bức tức anh C đã đánh chị B và từ khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng tuy vẫn ở chung nhà nhưng không ngủ và sinh hoạt cùng nhau, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có sự chia sẻ, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C không đồng ý ly hôn với chị B, nhưng anh thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, về tình cảm vợ chồng anh cũng không quan tâm nữa, hơn nữa anh không đồng ý ly hôn với chị B là do chưa tự thỏa thuận được về việc chia tài sản

chung của vợ chồng; tại phiên tòa chị B vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn anh C. Như vậy mâu thuẫn giữa chị B và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đến nay không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Khuất T B.

[3] *Về con chung*: Chị B và anh C có 02 con chung là Nguyễn H M, sinh ngày 28/6/1997 và Nguyễn H T, sinh ngày 07/6/2004. Các cháu Nguyễn H M và Nguyễn H T đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, chị B và anh C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, vay nợ chung*: Chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Khuất T B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Khuất T B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khuất T B được ly hôn anh Nguyễn M C.

Về án phí: Chị Khuất T B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014459 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Quảng Ninh; chị Khuất T B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/9/2022.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS huyện TC;
- UBND xã T, huyện TC;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lưu Minh Đoàn**